

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hòa;

2. Ông Đào Xuân Thủy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023, về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Âu Thị Kim T, sinh năm 1985; địa chỉ: Số * khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức S; sinh năm 1985; địa chỉ: Số ** đường D, khối 1 + 2, phường K, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/7/2023, bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Âu Thị Kim T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đức S vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Đức S mãi chơi cờ bạc, lô đề, không quan tâm đến gia đình, nên vợ chồng thường mâu thuẫn, bất đồng, cãi chửi nhau. Từ tháng 9 năm

2018 chị và anh Nguyễn Đức S đã sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức S.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Đức S có 02 người con chung là cháu Nguyễn Như M, sinh ngày 28/8/2009 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 07/7/2016. Khi ly hôn chị nuôi con là cháu Nguyễn Như M, còn cháu nhỏ là Nguyễn Quang H để anh Nguyễn Đức S nuôi, cả hai đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Việc anh Nguyễn Đức S yêu cầu được nuôi cả hai con chị không đồng ý, vì chị cũng mong muốn được nuôi cả 2 con và chị có đủ điều kiện nuôi 2 con, nhưng chị nghĩ làm cha mẹ thì ai cũng mong muốn được nuôi con, nên chị đồng ý để mỗi người nuôi 1 con như nêu trên để cả hai cùng có trách nhiệm chung trong việc nuôi dạy con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản ghi lời khai ngoài trụ sở Tòa án ngày 12/9/2023, bị đơn anh Nguyễn Đức S khai:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Âu Thị Kim T kết hôn ngày 05/12/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn mất mát, kinh tế gia đình bị sa sút, vợ chồng thường hay cãi chửi nhau, nên chị Âu Thị Kim T đã bỏ về bên ngoại ở, đến năm 2019 anh chuyển ra thành phố Lạng Sơn sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian đầu ly thân anh đã đến nói chuyện, khuyên nhủ chị Âu Thị Kim T trở về nhưng chị Âu Thị Kim T không đồng ý. Nay chị Âu Thị Kim T xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn với chị Âu Thị Kim T.

Về con chung: Anh và chị Âu Thị Kim T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Như M, sinh ngày 28/8/2009 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 07/7/2016. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả 2 con và không yêu cầu chị Âu Thị Kim T cấp dưỡng, vì theo anh xác định chị Âu Thị Kim T còn đi lập gia đình riêng, nên việc nuôi con sẽ không đảm bảo và con anh sống chung với bố dượng thì anh không yên tâm, vì vậy anh không đồng ý để chị Âu Thị Kim T nuôi con. Bản thân anh đang là giáo viên trường Trung học thị trấn B, thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng, nhưng từ tháng 01 năm 2023 đến nay, do bị tai nạn giao thông nên anh phải nghỉ điều trị, chỉ được hưởng lương bảo hiểm, đến tháng 10 năm 2023 anh mới đi làm trở lại, thì thu nhập của anh theo mức lương mới sẽ khoảng hơn 10.000.000 đồng/ tháng, đủ điều kiện nuôi dạy cả 2 con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải nhưng bị đơn anh Nguyễn Đức S không đến Tòa án tham gia hòa giải và có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt anh. Xác định không hòa giải được, do vậy Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa :

Nguyên đơn chị Âu Thị Kim T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Đức Thời vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án; ra thông báo thụ lý vụ án đúng thời hạn; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng; việc giao nộp, thu thập chứng cứ, thủ tục cấp, thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành các hoạt động tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng thời hạn, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình tại phiên tòa theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định; bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, không tham gia tố tụng, như vậy là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 56; 57; 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Âu Thị Kim T, cho chị Âu Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Đức S. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Như M cho chị Âu Thị Kim T và giao cháu Nguyễn Quang H cho anh Nguyễn Đức S, có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai, cả hai có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đức S tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Âu Thị Kim T khởi kiện yêu cầu giải quyết việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; bị đơn anh Nguyễn Đức S hiện cư trú sinh sống tại phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Do vậy xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Âu Thị Kim T và anh Nguyễn Đức S kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2008 quyền số 01/2007, đăng ký ngày 05/12/2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn, do đó hôn nhân giữa chị Âu Thị Kim T và anh Nguyễn Đức S là hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống, giữa chị Âu Thị Kim T và anh Nguyễn Đức S xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị Âu Thị Kim T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Đức S cũng thừa nhận vợ chồng sống ly thân đã lâu, không thể hàn gắn tình cảm nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị Âu Thị Kim T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Âu Thị Kim T và anh Nguyễn Đức S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Âu Thị Kim T xin ly hôn là có căn cứ, nên chấp nhận cho chị Âu Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Đức S.

[5] Về con chung: Chị Âu Thị Kim T và anh Nguyễn Đức S có 02 con chung là cháu Nguyễn Như M, sinh ngày 28/8/2009 và cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 07/7/2016. Tại phiên tòa, chị Âu Thị Kim T đề nghị phân chia mỗi người nuôi một con, chị không chấp nhận ý kiến của anh Nguyễn Đức S đòi nuôi cả hai con. Xét thấy, cả chị Âu Thị Kim T và anh Nguyễn Đức S đều có nghề nghiệp, có thu nhập và có chỗ ở ổn định để nuôi dạy con; hiện cháu Nguyễn Như M đang học tập và sinh sống cùng chị Âu Thị Kim T tại huyện Lộc Bình, còn cháu Nguyễn Quang H đang sinh sống với anh Nguyễn Đức S và học tập ổn định tại thành phố Lạng Sơn; ngoài ra cháu Nguyễn Như M có nguyện vọng muốn được ở với mẹ, còn cháu Nguyễn Quang H có nguyện vọng muốn được ở với bố; hơn nữa anh Nguyễn Đức S do bị tai nạn giao thông, phải nghỉ làm từ đầu năm 2023 đến nay và hưởng lương bảo hiểm, nên thu nhập cũng có phần hạn chế và việc nuôi dạy con là trách nhiệm chung của cả hai vợ chồng, các cháu đều đang sinh sống học tập ổn định tại Lộc Bình và Thành phố Lạng Sơn, nên không cần thiết phải xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của các cháu, do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Âu Thị Kim T, giao cháu Nguyễn Như M cho chị Âu Thị Kim T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục và giao cháu Nguyễn Quang H cho anh Nguyễn Đức S có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục, cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con và đều có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Âu Thị Kim T và anh Nguyễn Đức S xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Âu Thị Kim T được chấp nhận nên chị Âu Thị Kim T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu của chị Âu Thị Kim T về việc xin ly hôn, cho chị Âu Thị Kim T được ly hôn với anh Nguyễn Đức S.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Âu Thị Kim T. Giao cháu Nguyễn Như M cho chị Âu Thị Kim T và giao cháu Nguyễn Quang H cho anh Nguyễn Đức S, có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi các con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị Âu Thị Kim T và anh Nguyễn Đức S không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho ai. Cả hai đều có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Âu Thị Kim T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí chị Âu Thị Kim T phải nộp được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị Âu Thị Kim T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2015/0000059 ngày 08/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị Âu Thị Kim T đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thanh